

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1727** /UBND-TC  
V/v góp ý dự thảo văn bản

Thừa Thiên Huế, ngày **29** tháng **3** năm 2017

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
Số: <b>1835</b>	ĐẾN
Ngày: <b>30/3</b>	
Chuyển: <b>UBND</b>	
Lưu hồ sơ số: .....	

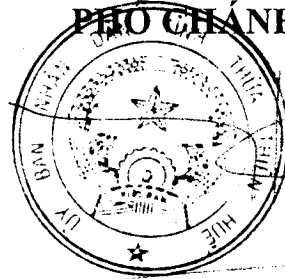
UBND tỉnh nhận được Công văn số 2377/BTC-QLBH ngày 22/02/2017 của Bộ Tài chính về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp. Về vấn đề này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương góp ý theo yêu cầu (đính kèm bản photo Công văn và hồ sơ của Bộ)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Thị Hoài Trâm**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2377 /BTC-QLBH  
V/v xin ý kiến Hồ sơ đề  
nghị xây dựng Nghị định  
về bảo hiểm nông nghiệp

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

**ĐẾN**

Số:.....Kính gửi:  
Ngày: 01/3/17...

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

Chuyên:.....

Lưu hồ sơ số:.....  
văn số 9076/VTCP

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Công văn số 9076/VTCP-KTTH ngày 24/10/2016 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp (Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định) (tài liệu gửi kèm).

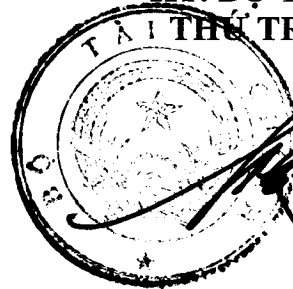
Căn cứ quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến vào dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định. Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 10/3/2017 để tổng hợp trình Chính phủ.

Bộ Tài chính xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận: *ra*

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Lưu: VT, QL BH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**TÀI CHÍNH**



**Trần Xuân Hà**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**TỜ TRÌNH****Đề nghị xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại công văn số 9076/VPCP-KTTH ngày 24/10/2016 của Văn phòng Chính phủ (*trình kèm theo*) về việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp trong thời gian tới, căn cứ quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính trình Chính phủ chấp thuận việc xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao cho Chính phủ tại Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp**

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong giai đoạn tới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 32/2016/QH14 yêu cầu Chính phủ tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó có việc ban hành chính sách bảo hiểm gắn với tái bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp áp dụng cho các loại sản phẩm nông nghiệp chủ yếu (Khoản 6 Điều 2).

Việc Chính phủ ban hành Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp là để thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 32/2016/QH14.

**2. Tạo cơ sở pháp lý để mở rộng việc triển khai chính sách bảo hiểm nông nghiệp sau giai đoạn thực hiện thí điểm, góp phần thực hiện chủ trương của nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

**2.1. Tóm tắt một số kết quả đạt được khi triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp tại một số tỉnh, thành phố**

Ngày 01/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 (Quyết định số 315/QĐ-TTg). Sau 3 năm triển khai thực hiện thí điểm đã đạt được một số kết quả nhất định (Bộ Tài chính đã có Văn bản số 68/BC-BTC

ngày 08/8/2014 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Tờ trình số 145/TTr-BTC ngày 15/9/2016), cụ thể như sau:

- Đã thiết lập được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp; hình thành được 3 sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp bao gồm cây lúa, vật nuôi và thủy sản phù hợp với đặc tính của từng loại cây trồng, vật nuôi.

- Đã thu hút được các hộ dân ở các huyện, xã được lựa chọn thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của 20 tỉnh, thành phố tham gia, trong đó:

+ Bảo hiểm cây lúa: 236.396 hộ nông dân (76,5% hộ nghèo, 16,8% hộ cận nghèo, 6,7% hộ thường).

+ Bảo hiểm vật nuôi: 60.133 hộ nông dân (84,1% hộ nghèo, 9,8% hộ cận nghèo, 6,1% hộ thường).

+ Bảo hiểm thủy sản: 7.487 hộ nông dân (27,4% hộ nghèo, 4% hộ cận nghèo, 68,6% hộ thường).

- Các DNBH đã thực hiện bồi thường bảo hiểm kịp thời cho các hộ khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, góp phần giúp hộ dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Bảo hiểm cây lúa: bồi thường 17,4 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 19%.

+ Bảo hiểm vật nuôi: bồi thường 19,5 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 23,3%.

+ Bảo hiểm thủy sản: bồi thường 675,9 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 309,8%.

- Quá trình triển khai thí điểm đã có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự ủng hộ của các địa phương, nỗ lực của các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia triển khai (Bảo Việt, Bảo Minh và Vinare).

## **2.2. Về khó khăn, hạn chế**

- Số lượng hộ dân tham gia bảo hiểm chủ yếu là hộ nghèo và cận nghèo (chiếm 76,8%), số hộ thường tham gia còn ít.

- Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm mới, rất phức tạp, lần đầu làm thí điểm, chưa có nhiều kinh nghiệm; thiên tai dịch bệnh xảy ra nhiều, đa dạng, mỗi địa phương mỗi khác. Do vậy, các loại hình thiên tai, dịch bệnh được bảo hiểm chưa phù hợp được hết đặc trưng riêng có của từng địa phương.

- Các quy trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn song nhiều địa phương đánh giá chưa phù hợp với thực tiễn. Việc kiểm soát quy trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản có khó khăn. Không có đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ quy trình này. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, do mới thực hiện nên không có chuyên môn.

- Việc công bố bệnh dịch và xác nhận bệnh dịch làm căn cứ để bồi thường cũng có khó khăn. Nhiều địa phương quy mô bệnh dịch chưa đến mức phải công

bổ theo quy định; các địa phương đều e ngại công bố bệnh dịch, vì vậy chủ yếu là xác nhận bệnh dịch. Đối với một số bệnh dịch mới, chỉ căn cứ vào triệu chứng lâm sàng để công bố, không phải xét nghiệm trong phòng thí nghiệm.

- Việc phối kết hợp giữa các Sở ban ngành và các doanh nghiệp bảo hiểm ở các địa phương còn khó khăn. Các địa phương đều thành lập Ban chỉ đạo, tuy nhiên công tác chỉ đạo có nơi chưa quyết liệt. Trong một số trường hợp, thông qua Ban chỉ đạo, các doanh nghiệp bảo hiểm và các hộ dân đã thống nhất mức bồi thường, song các hộ dân vẫn có đơn thư khiếu kiện đòi bồi thường cao hơn.

Như vậy, đến nay, việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg đã kết thúc (Quyết định số 315/QĐ-TTg đã hết hiệu lực). Để tạo cơ sở pháp lý tiếp tục triển khai, phát huy được các kết quả tích cực và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian thí điểm, từ đó mở rộng phạm vi triển khai ra toàn quốc theo chủ trương của nhà nước, Bộ Tài chính thấy cần thiết phải ban hành Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp. Đây cũng là ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Công văn số 9076/VPCP-KTTK ngày 24/10/2016.

### **3. Việc ban hành Nghị định góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước; tăng cường năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người dân để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại**

Sản xuất nông nghiệp chịu tác động mạnh của khí hậu, thời tiết, môi trường, thiên tai, dịch bệnh và hàng năm đều chịu thiệt hại lớn từ các yếu tố này đặc biệt là các hộ nông dân nghèo, cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi xảy ra rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, ngân sách nhà nước phải chi khoản 11.000 tỷ đồng để hỗ trợ người dân khắc phục thiệt hại, tái sản xuất nông nghiệp (trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ khoảng gần 3.000 tỷ đồng; riêng hỗ trợ con giống sau thiên tai, dịch bệnh theo Quyết định 1442/QĐ-TTg là trên 400 tỷ đồng). Ngoài ra, có thể có hỗ trợ từ các nguồn cứu trợ nhân đạo khác.

Thực hiện cơ chế bảo hiểm nông nghiệp, khu vực tư nhân (các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) cũng sẽ góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra thiệt hại, do các rủi ro đã được chuyển giao từ người sản xuất nông nghiệp sang khu vực tư nhân. Trong giai đoạn thí điểm nông nghiệp vừa qua, các rủi ro này cũng đã được san sẻ ra thị trường quốc tế thông qua các công ty tái bảo hiểm quốc tế.

Ngoài ra, khi tham gia bảo hiểm nông nghiệp đòi hỏi người nông dân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hiểm liên quan đến quản lý, giám sát rủi ro được bảo hiểm (thiên tai, dịch bệnh) kể từ trước khi ký kết cho đến cả quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm. Quá trình này sẽ từng bước góp phần nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, giám sát rủi ro cho các hộ nông dân

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục tiêu xây dựng Nghị định**

- Tạo lập khuôn khổ pháp lý ổn định, minh bạch, rõ ràng các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp; góp phần hiện thực hóa các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo, cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương khi xảy ra rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho họ có cơ hội đa dạng hóa các giải pháp tài chính để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

- Góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước; hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp bảo hiểm và người dân.

- Góp phần tăng cường năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người dân để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật; tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp với thực tiễn triển khai của Quyết định số 315/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp.

- Đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Về phạm vi điều chỉnh:**

Nghị định này quy định về:

- Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm: sản phẩm bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, phân phối, giao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, bồi thường và giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp của Nhà nước: đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ; cơ chế, thủ tục, hình thức hỗ trợ; việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ.

- Chế độ báo cáo và công khai thông tin.
- Trách nhiệm của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp.

## **2. Về đối tượng áp dụng:**

Nghị định này áp dụng đối với:

- Hộ nông dân, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ chức sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp) trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bảo hiểm); doanh nghiệp tái bảo hiểm.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Chính sách 1:** Khuyến khích việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp trên nguyên tắc tự nguyện.

### **a) Mục tiêu**

Nhằm thúc đẩy doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

### **b) Nội dung của chính sách**

- Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp.
- Quy định hướng dẫn các nội dung liên quan đến toàn bộ quá trình triển khai bảo hiểm nông nghiệp từ hoạt động phân phối, giao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, bồi thường bảo hiểm và giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp.
- Bên cạnh các khoản chi phí theo quy định pháp luật hiện hành (chi hoa hồng cho đại lý, môi giới bảo hiểm; chi quản lý ...), doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp được phép chi thù lao cho cá nhân tham gia trực tiếp triển khai bảo hiểm nông nghiệp, chi đề phòng hạn chế tổn thất liên quan đến triển khai bảo hiểm nông nghiệp.

### **c) Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn**

- Các doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức cá nhân sản xuất nông nghiệp thỏa thuận hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Các khoản chi thù lao được trích từ doanh thu phí bảo hiểm, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm ban hành quy chế chi thù lao để thực hiện thống nhất.

- Ngoài ra, từ kinh nghiệm thực tiễn triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, quy định doanh nghiệp bảo hiểm được phép chi đề phòng hạn chế tổn thất liên quan đến triển khai bảo hiểm nông nghiệp với mức tối đa lên đến 5 % (cao hơn mức quy định chung hiện nay là 2%), tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục; tài trợ, hỗ trợ xây dựng các công trình, mua sắm các phương tiện, vật chất để đề phòng hạn chế rủi ro; thuê các tổ chức, cá nhân khác giám sát, đề phòng, hạn chế tổn thất.

- Quy định nghĩa vụ của người tham gia bảo hiểm trong việc tuân thủ các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, các quy định quản lý của Nhà nước và các điều kiện, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành. Quy định này góp phần đảm bảo bảo hiểm nông nghiệp được triển khai bền vững thông qua ràng buộc người tham gia bảo hiểm với các nghĩa vụ liên quan đến công tác quản lý rủi ro, thực hiện các biện pháp phòng, chống và hạn chế dịch bệnh động vật, bảo vệ thực vật, vệ sinh môi trường và thực hành sản xuất tiên tiến.

Đây là các giải pháp phù hợp, linh hoạt và hiệu quả nhất trong bối cảnh hiện nay, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm này trên cơ sở tự nguyện; đồng thời tạo cơ chế cho doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường công tác quản lý rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp – lĩnh vực có nhiều rủi ro liên quan đến thiên tai, dịch bệnh.

## **2. Chính sách 2: Ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cho hộ nông dân nghèo và cận nghèo tham gia bảo hiểm**

### **a) Mục tiêu:**

- Tạo điều kiện cho hộ nông dân nghèo và cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi xảy ra thiên tai có cơ hội đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo việc sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu quả, tránh trường hợp một đối tượng cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ về phí bảo hiểm nông nghiệp.

### **b) Nội dung chính sách**



- Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 90% phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo và 75% cho hộ nông dân cận nghèo khi giao kết hợp đồng bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai.

- Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, người dân được lựa chọn để hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất. Trường hợp đang tham gia các chính sách cũ phải thực hiện các thủ tục chấm dứt và hoàn trả cho ngân sách nhà nước phần kinh phí tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo chính sách cũ.

- Đối với hộ nông dân đã được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp, bị thiệt hại do thiên tai và đã được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường bảo hiểm, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phần chênh lệch (nếu có) trong trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ của các chính sách khác của nhà nước.

### **c) Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn**

- Để đảm bảo nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, ngân sách nhà nước không hỗ trợ 100% mà chỉ hỗ trợ 90% phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo và 75% cho hộ nông dân cận nghèo khi giao kết hợp đồng bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai.

- Về nguồn kinh phí hỗ trợ, quy định thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 (đang được Bộ Tài chính dự thảo, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý I/2017) để xem xét điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và phân cấp, đảm bảo chủ động trong điều hành ngân sách địa phương.

- Để đảm bảo hỗ trợ hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, các giải pháp được xây dựng bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phí bảo hiểm cho các hộ nông dân nghèo, cận nghèo có quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và đã giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp với doanh nghiệp bảo hiểm để bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

+ Đồng thời, để tạo thuận lợi cho người nông dân, việc chi trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các thủ tục đề nghị chi trả kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm sau khi đã giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp (đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho các hộ nghèo, cận nghèo.

- Để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp bảo hiểm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố chủ động phân cấp cho một cơ quan có thẩm quyền của địa phương để thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc thẩm định, chuyên kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Để đảm bảo công khai, minh bạch thông tin, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố công khai thông tin về việc phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thẩm định, chuyển kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Với phương án hỗ trợ cho hộ nghèo 90%, hộ cận nghèo 75% phí bảo hiểm rủi ro thiên tai, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước dự kiến vào khoảng 2.135 tỷ đồng/năm, trong đó hỗ trợ cho hộ nghèo khoảng 1.356 tỷ ; hỗ trợ cho hộ cận nghèo khoảng 778 tỷ đồng (chi tiết theo bảng dưới đây).

Việc tính toán kinh phí hỗ trợ dựa trên các giả định:

- Tỷ lệ phí bảo hiểm đối với cây lúa, vật nuôi, thủy sản theo tỷ lệ phí áp dụng trong thời gian thí điểm theo Quyết định số 315/QĐ-TTg; tỷ lệ phí bảo hiểm đối với các đối tượng bảo hiểm khác dựa trên thực tế triển khai của các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường (như cây cao su) hoặc mức phí do các nhà tái bảo hiểm quốc tế (cà phê, điều, hồ tiêu).

- Nguồn số liệu để tính toán phí bảo hiểm: dựa trên số liệu thống kê năm 2015 của Tổng cục Thống kê về tình hình sản xuất nông nghiệp (diện tích, sản lượng, năng suất...); số liệu điều tra, rà soát về hộ nghèo, cận nghèo trên toàn quốc theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Lao động, thương binh và xã hội.

### Dự toán kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm hàng năm

*Đơn vị tính: tr.đồng*

TT	Loại hình bảo hiểm	Tổng số phí bảo hiểm hộ nghèo, cận nghèo cả nước	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo		
			Hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ hộ cận nghèo	Tổng kinh phí hỗ trợ
1	Bảo hiểm cây trồng (lúa/ngô/cà phê/cao su/điều)	838.613	444.795	258.298	703.092
2	Bảo hiểm vật nuôi (trâu/bò/lợn/gia cầm)	1.530.744	817.911	466.465	1.284.376
3	Bảo hiểm thủy sản (tôm/cá)	175.262	93.646	53.408	147.054
	<b>Tổng số</b>	<b>2.544.619</b>	<b>1.356.352</b>	<b>778.170</b>	<b>2.134.523</b>

2. Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, nếu ngân sách trung ương đảm bảo mức hỗ trợ hàng năm cho các địa phương, cần xác định cụ thể nhu cầu hàng năm, chi ban hành chính sách khi đảm bảo đủ nguồn lực. Do Quốc

hội đã thông qua dự toán ngân sách năm 2017, vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ thời điểm thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo và cận nghèo từ ngày 01/01/2018.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ ĐỊNH**

Trường hợp được Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính sẽ phối hợp cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015, trình Chính phủ thông qua vào Quý II năm 2017.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định bảo hiểm nông nghiệp, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo các tài liệu liên quan:*

- 1. Dự thảo Nghị định;*
- 2. Báo cáo đánh giá tác động;*
- 3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;*
- 4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;*
- 5. Tài liệu khác.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, QL BH.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH Xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp**

### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN**

#### **1. Bối cảnh xây dựng Nghị định**

1.1. Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong giai đoạn tới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 32/2016/QH14 yêu cầu Chính phủ tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó có việc ban hành chính sách bảo hiểm gắn với tái bảo hiểm sản phẩm nông nghiệp áp dụng cho các loại sản phẩm nông nghiệp chủ yếu (Khoản 6 Điều 2).

1.2. Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ: “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, ngày 01/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 (Quyết định số 315/QĐ-TTg).

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá, kết quả triển khai thực hiện của 3 năm thí điểm đã cho thấy các bài học kinh nghiệm cần thiết cho việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, cụ thể:

- Bảo hiểm nông nghiệp là cần thiết, mang lại lợi ích cho người dân, tuy nhiên cách thức triển khai thí điểm như thời gian vừa qua còn mang tính bao cấp của Nhà nước. Việc thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp mục đích chính là hình thành các sản phẩm để triển khai về sau. Sau giai đoạn thí điểm cần kết thúc để thực hiện theo cơ chế thị trường, tự nguyện giữa người tham gia bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) tự cân đối tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, Nhà nước không bù lỗ cho doanh nghiệp bảo hiểm.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ người được bảo hiểm là hộ nghèo nhưng không nên hỗ trợ 100% để tránh tâm lý ỷ lại, người được bảo hiểm phải đóng góp một phần phí bảo hiểm để tăng trách nhiệm kiểm soát rủi ro khi tham gia bảo hiểm.

- Kết quả tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cũng cho thấy các địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất đề xuất tiếp tục triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Sau khi kết thúc thí điểm, Bộ Tài chính đã tổ chức khảo sát, trao đổi, làm việc để tổng hợp ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương để xây dựng Văn bản số 68/BC-BTC ngày 08/8/2014 và Tờ trình số 145/TTr-BTC ngày 15/9/2016 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp trong thời gian tới.

Ngày 24/10/2016 Văn phòng Chính phủ có công văn số 9076/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, theo đó giao cho Bộ Tài chính xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp để trình Chính phủ ban hành.

## **2. Mục tiêu xây dựng Nghị định**

- Tạo lập khuôn khổ pháp lý ổn định, minh bạch, rõ ràng các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp; góp phần hiện thực hóa các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo, cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương khi xảy ra rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho họ có cơ hội đa dạng hóa các giải pháp tài chính để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

- Góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước; hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp bảo hiểm và người dân.

- Góp phần tăng cường năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người dân để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1:** Khuyến khích việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp trên nguyên tắc tự nguyện.

### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Bảo hiểm nông nghiệp là giải pháp tài chính hiệu quả, góp phần hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua, việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg mới dừng lại ở mức độ thí điểm tại một số địa bàn sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn, mang tính đại diện trên 20 tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước. Mặt khác, mức độ tiếp cận với các thông tin về bảo hiểm nông nghiệp của các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế.

Do vậy, để tạo điều kiện cho tất cả các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trên cả nước đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các

sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, cần ban hành các quy định riêng để khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm, các tổ chức cá nhân đẩy mạnh việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp; đồng thời, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong công tác thông tin, tuyên truyền về bảo hiểm nông nghiệp.

## **1.2. Mục tiêu cần đạt được**

Nhằm thúc đẩy doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

## **1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

### **a) Giải pháp 1**

- Quy định nguyên tắc triển khai bảo hiểm nông nghiệp trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa DNBH và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp (không giới hạn DNBH triển khai và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm).

- Ban hành một số quy định riêng về quản lý, giám sát hoạt động triển khai bảo hiểm nông nghiệp, bao gồm:

+ Quy định về điều kiện DNBH, DNTBH tham gia triển khai bảo hiểm nông nghiệp (yêu cầu về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp); hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí phát sinh từ việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Đồng thời, DNBH phải đăng ký sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp với cơ quan quản lý (Bộ Tài chính) trước khi triển khai thực hiện và điều chỉnh, đăng ký lại trường hợp 2 năm liên tiếp kinh doanh thua lỗ, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm (nông dân).

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp khi tham gia bảo hiểm nông nghiệp phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật, tuân thủ các quy định quản lý chuyên ngành của Nhà nước về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh động vật, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, bảo đảm các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành;

### **b) Giải pháp 2**

- Các DNBH và tổ chức cá nhân sản xuất nông nghiệp thỏa thuận hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về theo khung khổ pháp lý hiện hành về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật có liên quan.

- Đồng thời, để khuyến khích, tạo điều kiện DNBH triển khai hoạt động bảo hiểm nông nghiệp, quy định các cơ chế khuyến khích sau:

+ DNBH được phép chi đề phòng hạn chế tổn thất liên quan đến triển khai bảo hiểm nông nghiệp với mức tối đa lên đến 5% (cao hơn mức quy định chung hiện nay là 2%), tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các hoạt

động tuyên truyền, giáo dục; tài trợ, hỗ trợ xây dựng các công trình, mua sắm các phương tiện, vật chất để đề phòng hạn chế rủi ro; thuê các tổ chức, cá nhân khác giám sát, đề phòng, hạn chế tổn thất.

+ DNBH được phép sử dụng tối đa 20% doanh thu phí bảo hiểm thu được để chi hoa hồng bảo hiểm và chi thù lao cho những người trực tiếp tham gia triển khai bảo hiểm nông nghiệp.

Đây là các giải pháp phù hợp, linh hoạt và hiệu quả nhất trong bối cảnh hiện nay, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm này trên cơ sở tự nguyện; đồng thời tạo cơ chế cho doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường công tác quản lý rủi ro, đề phòng, hạn chế tổn thất trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp – lĩnh vực có nhiều rủi ro liên quan đến thiên tai, dịch bệnh.

#### **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

##### **1.4.1. Giải pháp 1**

###### **a) Tác động đối với nhà nước**

- Tác động tích cực

+ Tác động về kinh tế: Tạo ra giải pháp tài chính mới, góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra thiệt hại do các rủi ro đã được chuyển giao từ người sản xuất nông nghiệp sang khu vực tư nhân. Đồng thời, với việc gắn kết bảo hiểm với việc thực hiện quy hoạch sản xuất, các quy định quản lý chuyên ngành, các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ góp phần cường năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người dân để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, bền vững.

+ Tác động về xã hội: Thông qua cơ chế bồi thường cho thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp do thiên tai, dịch bệnh gây ra, việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp, đời sống của người nông dân, giảm nghèo và giảm tái nghèo khu vực nông thôn.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực:

+ Tác động của thủ tục hành chính: Phát sinh thủ tục hành chính đối với DNBH liên quan đến việc đăng ký, đăng ký lại sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phát sinh trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương trong việc tuyên truyền về bảo hiểm nông nghiệp; trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng trọt, chăn

nuôi, nuôi trồng thủy sản và cơ chế giám sát việc tuân thủ các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật.

### **b) Tác động với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Tác động tích cực (lợi ích): Thúc đẩy DNBH tăng cường hơn nữa năng lực tài chính, năng lực quản trị để đáp ứng điều kiện triển khai bảo hiểm nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực (chi phí):

+ Quy định điều kiện bổ sung (ngoài các điều kiện chung theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm) đối với DNBH triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ hạn chế một số DNBH có quy mô nhỏ (vốn, địa bàn hoạt động) tham gia cung cấp sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

+ Phát sinh thủ tục hành chính đối với DNBH liên quan đến việc đăng ký, đăng ký lại sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

### **c) Tác động với người sản xuất nông nghiệp**

- Tác động tích cực:

+ Được lựa chọn DNBH và sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp phù hợp với nhu cầu; tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

+ Tạo động lực cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thực hành sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng tới sản xuất hiện đại, bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

- Tác động tiêu cực: Việc quy định gắn điều kiện bảo hiểm với điều kiện thực hành sản xuất theo các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành (ví dụ: tiêu chuẩn GAP trong trồng trọt, GAHP trong chăn nuôi) làm phát sinh chi phí đảm bảo tuân thủ, làm tăng giá thành sản xuất nông nghiệp và có thể hạn chế các hộ cá thể sản xuất nông nghiệp nhỏ, lẻ (đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo) cơ hội được tham gia bảo hiểm.

## **1.4.2. Giải pháp 2**

### **a) Tác động đối với nhà nước**

- Tác động tích cực:

+ Tác động về kinh tế: Tạo ra giải pháp tài chính, góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra thiệt hại do các rủi ro đã được chuyển giao từ người sản xuất nông nghiệp sang khu vực tư nhân.

+ Tác động về xã hội: Thông qua cơ chế bồi thường cho thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp do thiên tai, dịch bệnh gây ra, việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp, đời sống của người nông dân, giảm nghèo và giảm tái nghèo khu vực nông thôn.

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.



+ Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; không phát sinh nghĩa vụ của cơ quan, đơn vị liên quan.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

#### **b) Tác động với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Tác động tích cực (lợi ích):

+ Tạo cơ hội cho tất cả các DNBH có giấy phép triển khai bảo hiểm nông nghiệp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động theo quy định tại pháp luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành đều có thẩm tham gia cung cấp sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp.

+ Đồng thời, DNBH còn được hưởng các cơ chế khuyến khích về tài chính liên quan đến chi hoa hồng, thù lao cho những người trực tiếp tham gia triển khai bảo hiểm nông nghiệp và chi đề phòng, hạn chế tổn thất.

+ Không làm phát sinh thêm bất kỳ thủ tục hành chính đối với DNBH.

- Tác động tiêu cực (chi phí): Việc không có các quy định bổ sung về điều kiện triển khai, giám sát chặt chẽ từ phía cơ quan quản lý có thể dẫn đến tình trạng cạnh tranh về phí bảo hiểm, ảnh hưởng tới an toàn tài chính của các DNBH, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

#### **c) Tác động với người sản xuất nông nghiệp**

- Tác động tích cực:

+ Được lựa chọn DNBH và sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp phù hợp với nhu cầu bảo hiểm và khả năng tài chính.

+ Việc quy định tỷ lệ chi đề phòng hạn chế tổn thất liên quan đến triển khai bảo hiểm nông nghiệp tối đa là 5% tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp được nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp; sử dụng các công trình, phương tiện, vật chất để đề phòng hạn chế rủi ro.

- Tác động tiêu cực: Người sản xuất nông nghiệp phải tốn kém thời gian và chi phí để tìm kiếm các thông tin về bảo hiểm nông nghiệp (DNBH, sản phẩm bảo hiểm...).

### **1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

- Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 2.

- Chính phủ ban hành Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp, trong đó quy định:

+ Các doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức cá nhân sản xuất nông nghiệp thỏa thuận hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Các khoản chi thù lao được trích từ doanh thu phí bảo hiểm, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm ban hành quy chế chi thù lao để thực hiện thống nhất.

+ Ngoài ra, từ kinh nghiệm thực tiễn triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, quy định doanh nghiệp bảo hiểm được phép chi đề phòng hạn chế tổn thất liên quan đến triển khai bảo hiểm nông nghiệp với mức tối đa lên đến 5%.

+ Quy định nghĩa vụ của người tham gia bảo hiểm trong việc tuân thủ các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, các quy định quản lý của Nhà nước và các điều kiện, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành.

## **2. Chính sách 2: Ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cho hộ nông dân nghèo và cận nghèo tham gia bảo hiểm**

### **2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Sản xuất nông nghiệp chịu tác động mạnh của khí hậu, thời tiết, môi trường, thiên tai, dịch bệnh và hàng năm đều chịu thiệt hại lớn từ các yếu tố này đặc biệt là các hộ nông dân nghèo, cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi xảy ra rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù, bảo hiểm nông nghiệp là giải pháp tài chính hiệu quả, góp phần hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần tái sản xuất nông nghiệp, giảm tái nghèo. Tuy nhiên, bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa phát triển được vì khả năng tài chính của người sản xuất nông nghiệp còn thấp, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo.

Vì vậy, cần thiết phải có sự hỗ trợ phí bảo hiểm của Nhà nước để khuyến khích người sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm.

### **2.2. Mục tiêu cần đạt được**

- Tạo điều kiện cho hộ nông dân nghèo và cận nghèo là các đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi xảy ra thiên tai có cơ hội đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo việc sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu quả, tránh trường hợp một đối tượng cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ về phí bảo hiểm nông nghiệp.

### **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**a) Giải pháp 1:** Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 90% phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo và 75% cho hộ nông dân cận nghèo khi giao kết hợp đồng bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai.

**b) Giải pháp 2:** Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp cho hộ nông dân nghèo, cận nghèo tham gia bảo hiểm đối với tất cả các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản nuôi trên phạm vi toàn quốc.

## **2.4. Đánh giá tác động:**

### **2.4.1. Giải pháp 1:**

#### **a) Tác động đối với nhà nước**

- Tác động tích cực (lợi ích):

+ Tác động về kinh tế: Tạo ra giải pháp tài chính, góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra thiệt hại thiên tai do các rủi ro đã được chuyển giao từ người sản xuất nông nghiệp sang khu vực tư nhân (doanh nghiệp bảo hiểm); góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người sản xuất nông nghiệp để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại.

+ Tác động về xã hội: Thông qua cơ chế bồi thường bảo hiểm, việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ góp phần giảm nghèo và giảm tái nghèo khu vực nông thôn, ổn định đời sống của người nghèo, cận nghèo; thể hiện sự ưu tiên, quan tâm của nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người yếu thế trong xã hội (nghèo, cận nghèo).

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Có phát sinh thủ tục hành chính (thủ tục thẩm định, chi trả phí bảo hiểm từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp bảo hiểm). Tuy nhiên, thủ tục này là cần thiết, để đảm bảo ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm đúng đối tượng được hỗ trợ. Đồng thời, giảm thiểu thủ tục hành chính cho người nông dân tham gia bảo hiểm thông qua quy định thủ tục đề nghị chi trả phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, các thủ tục hành chính này không làm phát sinh chi phí hành chính của người dân và doanh nghiệp.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực (chi phí):

+ Tác động về kinh tế: Trong trường hợp 100% hộ nông dân nghèo, cận nghèo trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản trên cả nước tham gia bảo hiểm nông nghiệp, dự kiến, ngân sách nhà nước phải chi hỗ trợ trung bình khoảng 2.135 tỷ

đồng/năm, trong đó hỗ trợ cho hộ nghèo khoảng 1.356 tỷ đồng; hỗ trợ cho hộ cận nghèo khoảng 778 tỷ đồng.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc triển khai chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp làm phát sinh thêm trách nhiệm của các đối tượng sau trong việc tuân thủ, thi hành pháp luật: (i) DNBH trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm đúng đối tượng, đề nghị chi trả kinh phí hỗ trợ; trong công tác báo cáo, hạch toán doanh thu, chi phí, công khai thông tin; (ii) UBND các tỉnh, thành phố trong việc xây dựng quy chế phân cấp, chỉ đạo kiểm tra, giám sát cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trong việc thẩm định, chi trả hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong việc giám sát thực hiện điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, kiểm soát gian lận bảo hiểm và công tác đề phòng, hạn chế tổn thất trong sản xuất; bố trí ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp; chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện công tác thống kê, cung cấp theo thẩm quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm và hộ nông dân triển khai bảo hiểm nông nghiệp; tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; hướng dẫn công tác đề phòng và hạn chế tổn thất trong sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật; (iii) Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; thực hiện quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo quy định pháp luật; bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm trong nông nghiệp; (iv) Bộ NN&PTNT trong việc ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, các tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật; ban hành cơ chế giám sát việc thực hiện các điều kiện, tiêu chuẩn trên; phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### **b) Tác động với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Tác động tích cực (lợi ích):

+ Tạo cơ hội cho DNBH tiếp cận đối tượng khách hàng mới, tiềm năng; thiết kế được các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, mang lại nhiều lựa chọn phù hợp nhu cầu và khả năng tài chính của người sản xuất nông nghiệp; nâng cao năng lực tài chính, hoàn thiện công tác quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

+ Góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra hậu quả do thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực (chi phí): Trường hợp DNBH tham gia triển khai thực hiện bảo hiểm nông nghiệp có sự hỗ trợ của nhà nước có thể doanh nghiệp bảo hiểm sẽ mất thời gian, chi phí khai thác, giám định, bồi thường, đề phòng hạn chế tổn thất, giám sát rủi ro. Tuy nhiên, các chi phí này đều nằm trong cơ cấu phí bảo hiểm nông nghiệp.

### **c) Tác động với người sản xuất nông nghiệp**

- Tác động tích cực:

+ Tạo điều kiện cho hộ nông dân nghèo, cận nghèo trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để hỗ trợ khắc phục rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, có cơ hội tái sản xuất, giảm tái nghèo.

+ Tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp tiếp cận vay vốn tín dụng ngân hàng để có cơ hội mở rộng sản xuất, giảm nghèo.

+ Việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước không phân biệt giới, do vậy, tạo ra cơ hội, điều kiện bình đẳng giới ở nông thôn.

- Tác động tiêu cực: Hộ nghèo, cận nghèo phải đóng góp một phần phí bảo hiểm (10% đối với hộ nghèo; 25% đối với hộ cận nghèo) để nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro trong nông nghiệp.

## **2.4.2. Giải pháp 2**

### **a) Tác động đối với nhà nước**

- Tác động tích cực (lợi ích): *Tương tự như giải pháp 1*

+ Tác động về kinh tế: Tạo ra giải pháp tài chính, góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra thiệt hại do các rủi ro đã được chuyển giao từ người sản xuất nông nghiệp sang khu vực tư nhân; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro của người sản xuất nông nghiệp để hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại.

+ Tác động về xã hội: Thông qua cơ chế bồi thường bảo hiểm, việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ góp phần giảm nghèo và giảm tái nghèo khu vực nông thôn, ổn định đời sống của người nghèo, cận nghèo; thể hiện sự ưu tiên, quan tâm của nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người yếu thế trong xã hội (nghèo, cận nghèo).

+ Tác động về giới: Không tác động đến sự bất bình đẳng giới.

+ Tác động của thủ tục hành chính: Có phát sinh thủ tục hành chính (thủ tục xác nhận đối tượng được hỗ trợ và thẩm định, chi trả phí bảo hiểm từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp bảo hiểm). Tuy nhiên, thủ tục này là cần thiết, để đảm bảo ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm đúng đối tượng được hỗ trợ. Đồng thời, giảm thiểu thủ tục hành chính cho người nông dân tham gia bảo hiểm thông qua quy định thủ tục đề nghị chi trả phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, các thủ tục hành chính này không làm phát sinh chi phí hành chính của người dân và doanh nghiệp.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm triển khai trên cơ sở pháp luật, không hình thành cơ chế giám sát mới; không vi phạm các nguyên tắc, các cam kết quốc tế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực (chi phí):

+ Tác động về kinh tế: Do phạm vi đối tượng tham gia bảo hiểm nông nghiệp là tất cả các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cả nước tham gia bảo hiểm và mức hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm, do vậy, ngân sách nhà nước phải chi hỗ trợ trung bình hàng năm rất lớn, khoảng 2.545 tỷ đồng/năm. Đây là số tiền rất lớn, ngân sách nhà nước sẽ không có khả năng đảm bảo. Mặt khác, việc hỗ trợ 100% phí bảo hiểm sẽ không nâng cao được trách nhiệm của người sản xuất nông nghiệp trong việc quản lý, kiểm soát rủi ro nông nghiệp; khó tiến tới phát triển nông nghiệp hàng hóa hiện đại.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: *Tương tự như giải pháp 1*

Việc triển khai chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp làm phát sinh thêm trách nhiệm của các đối tượng sau trong việc tuân thủ, thi hành pháp luật: (i) DNBH trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm đúng đối tượng, đề nghị chi trả kinh phí hỗ trợ; trong công tác báo cáo, hạch toán doanh thu, chi phí, công khai thông tin; (ii) UBND các tỉnh, thành phố trong việc xây dựng quy chế phân cấp, chỉ đạo kiểm tra, giám sát cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trong việc thẩm định, chi trả hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong việc giám sát thực hiện điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, kiểm soát gian lận bảo hiểm và công tác đề phòng, hạn chế tổn thất trong sản xuất; bố trí ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp; chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện công tác thống kê, cung cấp theo thẩm quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm và hộ nông dân triển khai bảo hiểm nông nghiệp; tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; hướng dẫn công tác đề phòng và hạn chế tổn thất trong sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật; (iii) Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; thực hiện quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo quy định pháp luật; bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm trong nông nghiệp; (iv) Bộ NN&PTNT trong việc ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, các tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật; ban hành cơ chế giám sát việc thực hiện các điều kiện, tiêu chuẩn trên; phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### **b) Tác động với doanh nghiệp bảo hiểm**

- Tác động tích cực (lợi ích): *Tương tự như giải pháp 1*

+ Tạo cơ hội cho DNBH tiếp cận đối tượng khách hàng mới, tiềm năng; thiết kế được các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, mang lại nhiều lựa chọn phù hợp nhu cầu và khả năng tài chính của người sản xuất nông nghiệp; nâng cao năng lực tài chính, hoàn thiện công tác quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

+ Góp phần san sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong trường hợp xảy ra hậu quả do thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực (chi phí): Trường hợp DNBH tham gia triển khai thực hiện bảo hiểm nông nghiệp có sự hỗ trợ của nhà nước có thể doanh nghiệp bảo hiểm sẽ mất thời gian, chi phí khai thác, giám định, bồi thường, đề phòng hạn chế tổn thất, giám sát rủi ro. Tuy nhiên, các chi phí này đều nằm trong cơ cấu phí bảo hiểm nông nghiệp.

### **c) Tác động với người sản xuất nông nghiệp**

- Tác động tích cực:

+ Tạo điều kiện cho tất cả các hộ nông dân nghèo, cận nghèo trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cả nước đa dạng hóa các giải pháp tài chính, dễ dàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm để hỗ trợ khắc phục rủi ro rủi ro trong sản xuất nông nghiệp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, có cơ hội tái sản xuất, giảm tái nghèo.

+ Tạo điều kiện cho người sản xuất nông nghiệp tiếp cận vay vốn tín dụng ngân hàng để có cơ hội mở rộng sản xuất, giảm nghèo.

+ Việc hỗ trợ của ngân sách nhà nước không phân biệt giới, do vậy, tạo ra cơ hội, điều kiện bình đẳng giới ở nông thôn.

- Tác động tiêu cực: Hộ nghèo, cận nghèo không phải đóng góp một phần phí bảo hiểm (ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% phí bảo hiểm) do vậy, khó khuyến khích họ nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro trong nông nghiệp và tiếp cận sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa hiện đại.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)**

- Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 1.

- Chính phủ ban hành Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp, trong đó quy định:

+ Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 90% phí bảo hiểm cho hộ nông dân nghèo và 75% cho hộ nông dân cận nghèo khi giao kết hợp đồng bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai.

+ Về nguồn kinh phí hỗ trợ, quy định thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 (đang được Bộ Tài chính dự thảo, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý I/2017) để xem xét điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và phân cấp, đảm bảo chủ động trong điều hành ngân sách địa phương.

+ Để đảm bảo hỗ trợ hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, các giải pháp được xây dựng bao gồm:

++ Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phí bảo hiểm cho các hộ nông dân nghèo, cận nghèo có quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa

phương và đã giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp với doanh nghiệp bảo hiểm để bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

++ Đồng thời, để tạo thuận lợi cho người nông dân, việc chi trả kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các thủ tục đề nghị chi trả kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm sau khi đã giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp (đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho các hộ nghèo, cận nghèo.

+ Để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp bảo hiểm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố chủ động phân cấp cho một cơ quan có thẩm quyền của địa phương để thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc thẩm định, chuyển kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

+ Để đảm bảo công khai, minh bạch thông tin, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố công khai thông tin về việc phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thẩm định, chuyển kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

### **III. LẤY Ý KIẾN**

### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm: Thực hiện quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo quy định pháp luật; bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm trong nông nghiệp; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, các tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật; ban hành cơ chế giám sát việc thực hiện các điều kiện, tiêu chuẩn trên; phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. UBND các tỉnh, thành phố: Xây dựng quy chế phân cấp, chỉ đạo kiểm tra, giám sát cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trong việc thẩm định, chi trả hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương trong việc giám sát thực hiện điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, kiểm soát gian lận bảo hiểm và công tác đề phòng, hạn chế tổn thất trong sản xuất; bố trí ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp; chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện công tác thống kê, cung cấp theo thẩm quyền cho doanh



ng nghiệp bảo hiểm và hộ nông dân triển khai bảo hiểm nông nghiệp; tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp; hướng dẫn công tác đề phòng và hạn chế tổn thất trong sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật./.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH PHÁP LUẬT**  
**Về bảo hiểm nông nghiệp**

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại công văn số 9076/VPCP-KTTH ngày 24/10/2016 Văn phòng Chính phủ, theo đó Phó Thủ tướng giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan khẩn trương xây dựng Nghị định về chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Bộ Tài chính báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP**

**I. Tổ chức thi hành pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp**

**1. Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo thi hành**

\* Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010, theo đó bảo hiểm nông nghiệp thuộc nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (Nghị định, Quyết định và Thông tư). Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã điều chỉnh tương đối toàn diện các vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, khá phù hợp với thực tiễn và có tác dụng tạo hành lang pháp lý thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển. Trong đó, việc xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí và triển khai kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp do các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ chủ động thực hiện trên cơ sở tự nguyện.

\* Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ: “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, ngày 01/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 (Quyết định số 315/QĐ-TTg).

Triển khai thực hiện Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 và Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 27/02/2013 (sửa đổi, bổ sung Quyết định số

315/QĐ-TTg), Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

**- Bộ Tài chính ban hành**

+ Thông tư số 121/2011/TT-BTC ngày 17/8/2011 hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg;

+ Thông tư số 101/2012/TT-BTC ngày 20/6/2012 quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg;

+ Thông tư số 96/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 121/2011/TT-BTC và Thông tư số 101/2012/TT-BTC.

+ Quyết định số 3035/QĐ-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm nông nghiệp bao gồm: Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm cây lúa theo chỉ số năng suất; Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm tôm/cá; Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm vật nuôi.

+ Quyết định số 2114/QĐ-BTC ngày 24/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3035/QĐ-BTC ngày 16/12/2011.

+ Quyết định số 1042/QĐ-BTC ngày 08/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm tôm, cá ban hành kèm theo Quyết định số 3035/QĐ-BTC ngày 16/12/2011 và Quyết định số 2114/QĐ-BTC ngày 24/8/2012.

+ Quyết định số 1725/QĐ-BTC ngày 23/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm tôm, cá ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-BTC ngày 08/5/2013.

**- Bộ NN&PTNT ban hành**

+ Thông tư số 47/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2011 hướng dẫn thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản;

+ Thông tư số 43/2012/TT-BNNPTNT ngày 23/8/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2011.

+ Ban hành 9 Quy trình khung quy định về sản xuất.

+ Ban hành quy trình công bố và xác nhận dịch bệnh được lựa chọn thí điểm bảo hiểm nông nghiệp.

**- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ban hành**

Ủy ban nhân dân 20 tỉnh, thành phố đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan trong tỉnh xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy trình sản xuất, quy trình công bố, xác nhận dịch bệnh kịp thời, phù hợp với thực tế tạo điều kiện để

doanh nghiệp bảo hiểm, chính quyền các cấp và người sản xuất tham gia thí điểm bảo hiểm đối với cây lúa, chăn nuôi, nuôi thủy sản tại địa phương triển khai thực hiện. Một số địa phương đã chủ động triển khai tốt như:

+ Quy trình canh tác lúa tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp: Đồng Tháp; Hà Tĩnh; Nam Định; Thái Bình; Bình Thuận.

+ Quy trình chăn nuôi đối với vật nuôi thuộc đối tượng tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp: Thanh Hóa; Đồng Nai; Vĩnh Phúc; Hải Phòng; Bình Định; Bình Dương.

+ Quy trình nuôi thủy sản: Cà Mau; Bạc Liêu; Sóc Trăng.

Có thể nói, cơ chế chính sách đã được ban hành đồng bộ, kịp thời, phù hợp thực tiễn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho người dân và DNBH thực hiện.

## **2. Công tác phổ biến, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện**

\* Việc tuyên truyền, tập huấn Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành được Bộ Tài chính triển khai kịp thời dưới nhiều hình thức tới các đối tượng có liên quan.

\* Về chỉ đạo, tổ chức triển khai Quyết định 315/QĐ-TTg:

### ***- Về phía Bộ Tài chính:***

Thành lập Ban chỉ đạo thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, theo đó thực hiện:

+ Tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến DNBH, người dân, cơ quan liên quan;

+ Thường xuyên bám sát tình hình, đôn đốc thực hiện và có giải pháp xử lý kịp thời vụ việc phát sinh, phòng ngừa trục lợi bảo hiểm.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, hàng năm đều có sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm và đề ra chương trình công tác.

### ***- Về phía Bộ NN&PTNT:***

Thành lập Ban chỉ đạo thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, theo đó thực hiện:

+ Ban hành và hướng dẫn các địa phương ban hành các quy trình canh tác lúa, chăn nuôi, nuôi thủy sản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

+ Phối hợp với Bộ Tài chính tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra giám sát thực hiện và đánh giá sơ kết, tổng kết.

### ***- Về phía địa phương:***

Ủy ban nhân dân 20 tỉnh, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo bảo hiểm nông nghiệp, theo đó thực hiện:

+ Lựa chọn, đăng ký địa bàn huyện, xã tham gia thí điểm; Xác định đối tượng tham gia bảo hiểm;

+ Thống kê, công bố năng suất lúa, công bố giá trị kinh tế vật nuôi, thủy sản,... làm cơ sở tính phí bảo hiểm;

+ Chỉ đạo theo dõi diễn biến thiên tai, dịch bệnh; công bố thiên tai; xác nhận dịch bệnh làm căn cứ bồi thường bảo hiểm;

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giới thiệu, hướng dẫn quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm;

+ Phối hợp với DNBH trong việc cấp đơn bảo hiểm; giám định thiệt hại; xác nhận mức độ thiệt hại thực tế làm cơ sở bồi thường bảo hiểm đúng chế độ quy định, phòng ngừa trục lợi bảo hiểm;

+ Thường xuyên kiểm tra cơ sở, chỉ đạo kịp thời các đơn vị chức năng, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

**- Về phía doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm:**

+ Tổ chức quán triệt, nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách, văn bản chế độ của nhà nước.

+ Xây dựng, hoàn thiện, triển khai quy trình khai thác, giám định, bồi thường.

+ Đào tạo, tập huấn cán bộ, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng trong việc cấp đơn bảo hiểm cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm; tổ chức giám định, xác định thiệt hại và bồi thường bảo hiểm đảm bảo việc bồi thường đúng chế độ quy định, chống trục lợi bảo hiểm.

## **II. Kết quả triển khai thực hiện quy định pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp.**

### **1. Kết quả triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện, không có sự hỗ trợ của Nhà nước**

Việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện được các doanh nghiệp bảo hiểm chủ động triển khai theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và pháp luật khác có liên quan, không có chính sách, cơ chế đặc thù nào từ phía Nhà nước hỗ trợ thúc đẩy bảo hiểm nông nghiệp.

#### **1.1. Kết quả triển khai:**

- Tính đến nay có 7 doanh nghiệp bảo hiểm (Bảo Việt, Bảo Minh, PVI, GIC, PTI, BIC, ABIC và Groupama) trên thị trường triển khai bảo hiểm nông nghiệp với đối tượng bảo hiểm chủ yếu là cây trồng và vật nuôi. Trong đó cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp (cao su, cà phê), vật nuôi chủ yếu là bò sữa của các doanh nghiệp sản xuất sữa như Vinamilk, TH true milk,...

- Doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2005-2010 là 14,8 tỷ đồng chiếm 0,024% doanh thu phí bảo hiểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ,

tỷ lệ bồi thường khoảng 80%; giai đoạn 2011-2013 là 88,4 chiếm 0,13% doanh thu phí bảo hiểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ; giai đoạn 2014-2016 là 151,8 tỷ đồng, chiếm 0,41% doanh thu phí bảo hiểm thị trường phi nhân thọ, tỷ lệ bồi thường khoảng 85%.

## **1.2. Đánh giá kết quả triển khai**

### **a) Mặt tích cực:**

Đã hình thành sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp trên thị trường, giúp người dân, tổ chức sản xuất nông nghiệp có thêm công cụ tài chính nhằm chuyển giao rủi ro, giúp khắc phục một phần thiệt hại, ổn định sản xuất và đời sống.

### **b) Mặt hạn chế:**

- Số lượng doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp rất ít (7/29 doanh nghiệp bảo hiểm). Doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp hàng năm thấp, tỷ trọng doanh thu rất nhỏ so với phí bảo hiểm của toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.

- Việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp không hiệu quả, tỷ lệ bồi thường trên doanh thu cao, nếu tính các chi phí khác của doanh nghiệp bảo hiểm như chi quản lý, chi bán hàng, trích lập dự phòng nghiệp vụ thì kết quả triển khai nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp bị lỗ.

- Đối tượng bảo hiểm nông nghiệp chủ yếu là cây trồng (cây công nghiệp) và vật nuôi (bò sữa), người mua bảo hiểm chủ yếu là các doanh nghiệp nuôi trồng. Địa bàn triển khai hẹp, chủ yếu tập trung ở một số tỉnh miền Trung Tây nguyên, miền Đông Nam bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

### **c) Đánh giá nguyên nhân hạn chế**

- Chưa có cơ chế tài chính cho phép doanh nghiệp bảo hiểm được chi thù lao cho cá nhân tham gia trực tiếp triển khai bảo hiểm nông nghiệp, do đó việc khai thác bảo hiểm gặp nhiều khó khăn: Địa bàn sản xuất nông nghiệp phân bố rất rộng, số lượng cán bộ doanh nghiệp ít, trình độ hạn chế (yêu cầu phải rất hiểu biết về cây trồng vật nuôi cũng như kiến thức về bảo hiểm) do vậy rất cần thiết có sự tham gia của một số cá nhân tại địa phương, cán bộ làm công tác nông nghiệp,...

- Quy định mức chi đề phòng hạn chế tổn thất hiện nay ở mức 2% doanh thu phí bảo hiểm chưa khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong công tác tuyên truyền, giáo dục; Tài trợ, hỗ trợ các phương tiện, vật chất để đề phòng hạn chế rủi ro; Hỗ trợ xây dựng các công trình nhằm mục đích đề phòng, giảm nhẹ mức độ rủi ro cho các đối tượng bảo hiểm; Thuê các tổ chức, cá nhân khác giám sát, đề phòng, hạn chế tổn thất. Do vậy, cần thiết quy định cho phép nâng mức chi đề phòng hạn chế tổn thất đối với bảo hiểm nông nghiệp.

- Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ chi phí cho nông dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp, nhân là hộ nông dân nghèo, cận nghèo.

- Chưa có sự hợp tác, phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước; các doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm; các tổ chức tín dụng, tài chính và người nông dân để cung cấp đồng bộ các dịch vụ bảo hiểm và tín dụng để thúc đẩy, xúc tiến bảo hiểm nông nghiệp.

## **2. Kết quả triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg:**

### **2.1. Kết quả thực hiện:**

Sau 3 năm triển khai, ngày 27/6/2014, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 theo Quyết định số 315/QĐ-TTg như sau:

Trong giai đoạn thí điểm, bảo hiểm nông nghiệp được triển khai ở 20 tỉnh, thành phố, do 02 doanh nghiệp bảo hiểm (Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng công ty Bảo Minh) và 01 doanh nghiệp tái bảo hiểm (Tổng công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam) thực hiện, người tham gia bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần phí bảo hiểm; Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp do Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi triển khai. Theo báo cáo của các địa phương và các doanh nghiệp bảo hiểm, kết quả cụ thể như sau:

#### ***a) Về số lượng hộ nông dân/tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm***

Trong 3 năm triển khai có 304.017 hộ nông dân/tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp, trong đó:

- Xét về diện hộ: Có 233.361 hộ nghèo (chiếm 76,8% tổng số hộ tham gia bảo hiểm), 45.944 hộ cận nghèo (chiếm 15,1%), 24.711 hộ thường (chiếm 8,1%), 1 tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp;

- Xét về đối tượng bảo hiểm: Có 236.397 hộ nông dân, tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm cây lúa; 60.133 hộ nông dân tham gia bảo hiểm vật nuôi; 7.487 hộ nông dân tham gia bảo hiểm thủy sản.

***b) Về tổng giá trị được bảo hiểm:*** Tổng giá trị được bảo hiểm của cả chương trình thí điểm là 7.747,9 tỷ đồng, trong đó tổng giá trị bảo hiểm cây lúa là 2.151 tỷ đồng, tổng giá trị bảo hiểm vật nuôi là 2.713,2 tỷ đồng, tổng giá trị bảo hiểm thủy sản là 2.883,7 tỷ đồng.

***c) Về doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp:*** Tổng doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp sau 3 năm triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp là 394.000 triệu đồng, trong đó, doanh thu phí bảo hiểm thủy sản là 218.175 triệu đồng (chiếm 55,37% tổng doanh thu); doanh thu phí bảo hiểm cây lúa là 91.919 triệu đồng (chiếm 23,33% tổng doanh thu); doanh thu phí bảo hiểm vật nuôi là 83.906 triệu đồng (chiếm 21,3% tổng doanh thu).

#### ***d) Về bồi thường bảo hiểm***

Tổng số tiền đã giải quyết bồi thường bảo hiểm đến thời điểm 20/6/2014 là 701,8 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm là 178,1%. Trong đó, chủ yếu bồi thường bảo hiểm thủy sản với tổng số tiền đã bồi thường bảo hiểm là 669,5 tỷ đồng (tỷ lệ bồi thường là 306%); tiếp đó là bồi thường bảo hiểm cây lúa với tổng số tiền thực bồi thường là 19 tỷ đồng (tỷ lệ bồi thường 20,6%); bồi thường bảo hiểm vật nuôi là 13,3 tỷ đồng (tỷ lệ bồi thường là 15,9%).

### **2.2. Đánh giá kết quả thực hiện**

#### ***a) Những mặt đã đạt được***

- Thực tiễn triển khai hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho thấy chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp là hết sức đúng đắn, đây là chính sách nhằm ổn định sản xuất và đời sống của người dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Đã tạo cho người sản xuất nông nghiệp ý thức và thói quen tuân thủ quy trình sản xuất, canh tác, nuôi thủy sản.

- Đã hoàn chỉnh cơ chế chính sách về thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp bao gồm: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các loại thiên tai, dịch bệnh được bảo hiểm, tiêu chí, tiêu chuẩn trồng lúa, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản khi tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp; Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, quy định hồ sơ, thủ tục và quy trình hỗ trợ thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp và hoàn chỉnh bộ quy tắc, biểu phí về các sản phẩm bảo hiểm.

- Đã hình thành 3 sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp bao gồm cây lúa, vật nuôi và thủy sản, theo đó cây lúa được bảo hiểm trên cơ sở chỉ số năng suất; vật nuôi được bảo hiểm trên cơ sở giá trị vật nuôi, thủy sản (tôm, cá) được bảo hiểm theo chi phí nuôi trồng. Qua thực tiễn cho thấy cách thức xây dựng các sản phẩm nói trên là có căn cứ, phù hợp với đặc tính của từng loại cây trồng, vật nuôi.

- Đã thu hút được các hộ dân ở các địa phương (huyện, xã) nơi thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp tham gia, trong đó: bảo hiểm cây lúa: 236.396 hộ nông dân (trong đó có 76,5% hộ nghèo, 16,8% hộ cận nghèo, 6,7% hộ thường); Bảo hiểm vật nuôi: 60.133 hộ nông dân (trong đó có 84,1% hộ nghèo, 9,8% hộ cận nghèo, 6,1% hộ thường); Bảo hiểm thủy sản: 7.487 hộ nông dân (trong đó có 27,4% hộ nghèo, 4% hộ cận nghèo, 68,6% hộ thường).

- Đã thực hiện bồi thường bảo hiểm kịp thời cho các hộ khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, thông qua đó góp phần giúp hộ dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh, cụ thể: Bảo hiểm cây lúa: số tiền bồi thường 17,4 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 19%; Bảo hiểm vật nuôi: số tiền bồi thường 19,5 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 23,3%; Bảo hiểm thủy sản: số tiền bồi thường 675,9 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 309,8%.



- Quá trình triển khai thí điểm đã có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cũng như sự ủng hộ của các địa phương, nỗ lực của các doanh nghiệp bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Minh. Liên Bộ đã tổ chức sơ kết kịp thời, điều chỉnh cơ chế chính sách phù hợp thực tiễn; kết thúc đợt thí điểm đã tổ chức tổng kết, đánh giá để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

### ***b) Những khó khăn hạn chế***

Qua thực tế triển khai thời gian qua, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc triển khai thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp cũng bộc lộ những khó khăn, hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

- Số lượng hộ dân tham gia bảo hiểm chủ yếu là hộ nghèo và cận nghèo (chiếm 76,8%), số hộ thường tham gia còn ít. Đối với hộ nghèo và cận nghèo, do Nhà nước hỗ trợ 90-100% phí bảo hiểm nên họ tham gia (vì họ không mất chi phí mà vẫn được hưởng lợi từ chương trình) nhưng đối với hộ thường, tỷ lệ tham gia còn ít vì đây là sản phẩm còn mới đối với Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm mỗi tỉnh 3 huyện, mỗi huyện 3 xã do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn, với phạm vi này chưa đảm bảo số đông bù số ít, ví dụ tỉnh Bạc Liêu có 1.465 hộ tham gia bảo hiểm, tổng phí bảo hiểm là 56,8 tỷ đồng, trong khi đó số tiền bồi thường là 190,3 tỷ đồng.

- Quy trình chăn nuôi, nuôi thủy sản thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng nhiều địa phương có ý kiến đánh giá là chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, vì vậy trong quá trình thực hiện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã điều chỉnh theo hướng giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình phù hợp. Một số quy định trong quy trình mang tính khoa học, kỹ thuật cao, tuy nhiên thực tế không đáp ứng được, ví dụ:

+ Đối với thủy sản: Quy trình nuôi trồng yêu cầu phải có cống cấp và thoát nước riêng biệt, đảm bảo chắc chắn không rò rỉ; khử trùng nước trước khi thả con giống; bổ sung vi sinh có lợi và gây màu nước; kiểm tra độ kiềm, PH, độ mặn, nhiệt độ thích hợp; hàm lượng oxy hòa tan và các chỉ tiêu của nguồn nước đạt tiêu chuẩn... Trong thực tế khó khăn nhất là tất cả các địa nuôi tôm, cá đều chung một đường nước vào, ra.

+ Đối với chăn nuôi: Quy trình chăn nuôi yêu cầu phải có chuồng trại cao ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, tránh mưa tạt, gió lùa; diện tích chuồng phải đảm bảo vật nuôi ăn, ngủ và vận động tốt; đảm bảo nhiệt độ nuôi phù hợp với từng tuần tuổi (nuôi gà, vịt). Trong thực tế chủ yếu chăn nuôi ở quy mô hộ gia đình, vì vậy đa phần các quy định trên đều không đáp ứng được.

- Việc công bố bệnh dịch và xác nhận bệnh dịch làm căn cứ để bồi thường cũng có khó khăn. Theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố bệnh dịch theo quy định của pháp luật nhưng nhiều địa phương quy mô bệnh dịch chưa đến mức phải công bố; mặt khác các địa phương đều ngại công bố bệnh dịch, vì vậy chủ yếu là xác nhận bệnh dịch. Việc xác định bệnh dịch gặp khó khăn do có một số bệnh dịch mới, chỉ căn cứ

vào triệu chứng lâm sàng để công bố, không phải xét nghiệm trong phòng thí nghiệm.

- Việc kiểm soát quy trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp bảo hiểm là khó khăn, một mặt nhiều quy định nuôi trồng thủy sản phức tạp, mặt khác doanh nghiệp bảo hiểm do mới thực hiện nên không có chuyên môn, đặc biệt là việc kiểm soát mật độ nuôi thả đối với tôm, cá và các yếu tố kỹ thuật nuôi trồng.

- Trong thời gian thực hiện thí điểm, thiên tai, bệnh dịch đối với thủy sản là khá lớn, kết quả các doanh nghiệp bảo hiểm bị thua lỗ 89,2 tỷ đồng. Phần lớn các hợp đồng bảo hiểm đã được tái bảo hiểm cho nhà tái bảo hiểm nước ngoài (SwissRe) và nhà tái bảo hiểm bị lỗ gần 15 triệu USD (chưa tính chi phí quản lý của doanh nghiệp). Với cơ chế như hiện tại, các nhà tái bảo hiểm sẽ khó có thể tiếp tục nhận tái bảo hiểm. Trường hợp họ nhận tái bảo hiểm thì phải điều chỉnh mức phí bảo hiểm rất cao, điều này sẽ làm tăng chi phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước và tăng chi phí đối với hộ dân (hộ thường).

- Việc phối kết hợp giữa các Sở ban ngành và các doanh nghiệp bảo hiểm ở các địa phương còn khó khăn. Các địa phương đều thành lập Ban chỉ đạo, tuy nhiên việc phân công trách nhiệm có khác nhau, có địa phương giao cho Sở Tài chính chủ trì, có địa phương giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. Mặt khác, công tác chỉ đạo có nơi chưa quyết liệt, các doanh nghiệp bảo hiểm là người ký hợp đồng phải gánh chịu mọi trách nhiệm liên quan. Trong một số trường hợp, các doanh nghiệp bảo hiểm và các hộ dân đã thống nhất mức bồi thường, song các hộ dân vẫn có đơn thư khiếu kiện đòi bồi thường cao hơn.

### **c) Đánh giá nguyên nhân**

#### **\* Những nguyên nhân khách quan**

- Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm mới, rất phức tạp, lần đầu làm thí điểm, chưa có nhiều kinh nghiệm; địa bàn triển khai bảo hiểm nông nghiệp rất rộng, trải dài trên 20 tỉnh, thành phố.

- Rủi ro thiên tai, dịch bệnh trong thời gian thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp xảy ra nhiều, đa dạng, mỗi địa phương mỗi khác, diễn biến bất thường, trong khi đó, đối tượng bảo hiểm đặc biệt là thủy sản chịu tác động mạnh của yếu tố thiên nhiên như khí hậu, thời tiết, môi trường nên dễ mắc bệnh.

- Kỹ thuật nuôi trồng, đặc biệt là thủy sản không tuân thủ theo quy trình kỹ thuật được quy định, nhất là nguồn nước rất dễ bị ô nhiễm, gây phát sinh bệnh dịch.

#### **\* Những nguyên nhân chủ quan**

- Cơ chế chính sách còn chưa hoàn chỉnh như quy định và kỹ thuật nuôi trồng; công bố, xác nhận bệnh dịch; quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quy trình thực hiện. Mặc dù đã có điều chỉnh kịp thời của các Bộ ngành, tuy nhiên do đây là các sản phẩm bảo hiểm mới nên cũng gặp nhiều khó khăn.

- Sự phối kết hợp giữa các cơ quan ở các địa phương chưa chặt chẽ, đặc biệt trong công tác giám sát các hộ dân tuân thủ quy trình, kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng.

- Doanh nghiệp bảo hiểm có đầu tư tuyển dụng nguồn nhân lực để làm công tác bảo hiểm nông nghiệp, tuy nhiên, lực lượng còn mỏng, chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực chuyên môn để giám sát các hộ dân tuân thủ đầy đủ quy trình, kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

#### **d) Bài học kinh nghiệm**

- Bảo hiểm nông nghiệp là cần thiết, mang lại lợi ích cho người dân, tuy nhiên cách thức triển khai thí điểm như thời gian vừa qua còn mang tính bao cấp của Nhà nước. Việc thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp mục đích chính là hình thành các sản phẩm để triển khai về sau. Sau giai đoạn thí điểm cần kết thúc để thực hiện theo cơ chế thị trường, tự nguyện giữa người tham gia bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm tự cân đối tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, Nhà nước không bù lỗ cho doanh nghiệp bảo hiểm.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ người được bảo hiểm là hộ nghèo nhưng không nên hỗ trợ 100% để tránh tâm lý ỷ lại, người được bảo hiểm phải đóng góp một phần phí bảo hiểm để tăng trách nhiệm kiểm soát rủi ro khi tham gia bảo hiểm.

- Cơ quan quản lý nhà nước quản lý, giám sát chặt chẽ việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Trong đó:

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định và giám sát việc thực hiện các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, quy trình công bố thiên tai, dịch bệnh và xác nhận dịch bệnh.

+ Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nghiệp vụ bảo hiểm và kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm.

### **Phần thứ 2**

#### **ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP**

Từ thực tiễn thị trường bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam và kết quả thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 cho thấy bảo hiểm nông nghiệp là cần thiết, mang lại lợi ích cho người dân. Để thúc đẩy triển khai bảo hiểm nông nghiệp, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phù hợp, vừa đảm bảo khuyến khích phát triển bảo hiểm nông nghiệp, vừa tránh tâm lý ỷ lại của đối tượng được hỗ trợ. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp theo hướng:

1. Triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện, không giới hạn phạm vi địa bàn và đối tượng bảo hiểm (cây trồng, vật nuôi, thủy sản).

2. Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nghèo, cận nghèo tập trung vào các sản phẩm chủ yếu, không hỗ trợ 100% mà người dân phải tự chi trả tỷ lệ

nhất định phí bảo hiểm để có trách nhiệm hơn trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro.

### 3. Trách nhiệm các cơ quan liên quan

- Bộ Tài chính: Thực hiện chức năng quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm; ban hành văn bản hướng dẫn về hồ sơ, quy trình, thủ tục hỗ trợ phí bảo hiểm; bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ban hành quy trình, tiêu chuẩn trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cơ chế giám sát việc thực hiện quy trình, tiêu chuẩn; ban hành quy trình công bố, xác nhận dịch bệnh.

- UBND các tỉnh, thành phố: Xác nhận đối tượng được hỗ trợ, công bố thiên tai, dịch bệnh, xác nhận dịch bệnh; ban hành quy trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phù hợp với địa phương, bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nghèo theo chế độ. Chủ trì, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương với doanh nghiệp bảo hiểm trong tổ chức triển khai; giám sát việc thực hiện quy trình, tiêu chuẩn; công bố, xác nhận dịch bệnh; thẩm định giá trị thiệt hại để làm căn cứ bồi thường bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm: Chủ động xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp; chủ động triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành, báo cáo Bộ Tài chính theo định kỳ.

- Người tham gia bảo hiểm: Tuân thủ điều kiện tham gia bảo hiểm, quy trình, tiêu chuẩn trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp của Bộ Tài chính./.

# ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, bao gồm:

1. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.
2. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm: sản phẩm bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, phân phối, giao kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, bồi thường và giải quyết tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp .
3. Chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp của Nhà nước: đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và mức hỗ trợ; cơ chế, thủ tục, hình thức hỗ trợ; việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ.
4. Chế độ báo cáo và công khai thông tin.
5. Trách nhiệm của các bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Hộ nông dân, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ chức sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp) trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<sup>1</sup>.
2. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bảo hiểm) doanh nghiệp tái bảo hiểm.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp.

### Điều 3. Giải thích thuật ngữ

**1. Doanh nghiệp bảo hiểm** là doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm và được phép triển khai nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động.

---

<sup>1</sup> Điều 2 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP

**2. Bên mua bảo hiểm** là hộ nông dân, tổ chức, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp) có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm, giao kết hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.

**3. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương** thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phân công thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp để quyết định việc hỗ trợ và số tiền chi trả.

**4. Sản phẩm bảo hiểm chỉ số** là sản phẩm bảo hiểm, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trả cho người được bảo hiểm số tiền bồi thường đã được thỏa thuận trước khi một hoặc các chỉ số, tham số (như năng suất, thời tiết, dịch bệnh...) có liên quan trực tiếp đến thiệt hại của đối tượng được bảo hiểm do cơ quan chuyên môn độc lập tính toán, đo đạc, công bố vượt quá/thấp hơn ngưỡng đã được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

#### **Điều 4. Nguyên tắc triển khai bảo hiểm nông nghiệp**

1. Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp, phù hợp với quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp được chủ động tham gia bảo hiểm nông nghiệp tại các doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp:

a) Theo dõi riêng doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định này (quy định này chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp bảo hiểm).

b) Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định này được hạch toán chung trong kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1. SẢN PHẨM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP VÀ**

## HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

### **Điều 5. Hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp**

1. Hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm phải đảm bảo các nội dung, hình thức theo quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận cụ thể thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm và thực hiện tách riêng phần phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có).

3. Trường hợp bên mua bảo hiểm thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định này, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm sau khi bên mua bảo hiểm cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương công nhận bên mua bảo hiểm thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo còn hiệu lực tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

### **Điều 6. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp**

Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp là tất cả các loại cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp.

### **Điều 7. Rủi ro được bảo hiểm**

a) Thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và các loại rủi ro thiên tai khác.

b) Dịch bệnh:

- Dịch, bệnh động vật: các bệnh truyền nhiễm của động vật trên cạn và thủy sản như cúm gia cầm, tai xanh, bệnh lở mồm, long móng, nhiệt thán, xoắn khuẩn, bệnh thủy sản và dịch bệnh khác theo danh mục bệnh động vật phải công bố dịch bệnh (bao gồm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm giữa người và động vật) do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thú ý<sup>15</sup>.

- Dịch hại thực vật: sinh vật gây hại thực vật có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây hại nghiêm trọng đối với thực vật như dịch rầy nâu, xoắn lá, đạo ôn và sinh vật gây hại khác theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật<sup>16</sup>.

<sup>15</sup> Điều a Khoản 6 Điều 15 Luật Thú y; Phụ lục 1 Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Phụ lục 1 Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 7/5/2016 về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

<sup>16</sup> Điều c, d Khoản 2 Điều 25 Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật

- Bệnh động vật và sinh vật gây hại thực vật khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp.

c) Rủi ro khác ngoài thiên tai, dịch bệnh theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp.

### **Điều 8. Số tiền bảo hiểm**

Số tiền bảo hiểm là giá trị bằng tiền mà tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp yêu cầu bảo hiểm cho cây trồng, vật nuôi và thủy sản và được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận. Số tiền bảo hiểm không được cao hơn giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

### **Điều 9. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất sau:

a) Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý gây thiệt hại của bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.

b) Tổn thất phát sinh do chiến tranh, hành động khủng bố, phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân, nhiễm phóng xạ.

c) Tổn thất phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

d) Tổn thất khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm và ghi rõ tại hợp đồng bảo hiểm các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này phù hợp với quy định pháp luật.

### **Điều 10. Chế tài bồi thường bảo hiểm**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền áp dụng chế tài bồi thường bảo hiểm trong trường hợp sau:

a) Tổn thất xảy ra do nguyên nhân trực tiếp từ việc bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm không tuân thủ các quy định quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) và bảo vệ thực vật đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành.

b) Người mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm không thực hiện các nghĩa vụ thông báo sự kiện bảo hiểm và thực hiện các biện pháp xử lý, hạn chế tổn thất theo hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Mức độ chế tài bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

### **Điều 11. Căn cứ bồi thường bảo hiểm**



1. Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Chi phí để xác định giá thị trường và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm chịu.

2. Trường hợp bảo hiểm theo chỉ số (index), doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường dựa trên chỉ số, tham số thời tiết, dịch bệnh, sản lượng,... có liên quan với thiệt hại.

3. Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm.

4. Ngoài số tiền bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm còn phải trả cho người được bảo hiểm những chi phí cần thiết, hợp lý để đề phòng, hạn chế tổn thất và những chi phí phát sinh mà người được bảo hiểm phải chịu để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm. Số tiền chi trả trong trường hợp này không vượt quá tỷ lệ quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định này.

### **Điều 12. Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm**

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bồi thường bảo hiểm cho người được bảo hiểm khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có xảy ra sự kiện bảo hiểm và không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

b) Trường hợp bảo hiểm theo chỉ số (index) hoặc tham số (parametric), các chỉ số, tham số này phải được công bố hoặc xác nhận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cơ quan chuyên môn thuộc danh mục được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

c) Người được bảo hiểm có hồ sơ bồi thường bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

d) Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong trường hợp có hành vi gian lận bảo hiểm theo quy định tại Bộ luật hình sự.

### **Điều 13. Hình thức bồi thường bảo hiểm**

1. Việc bồi thường bảo hiểm được thực hiện bằng tiền.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thu hồi cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại sau khi đã bồi thường toàn bộ theo giá thị trường của cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

### **Điều 14. Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp**

1. Nguyên tắc chung: Doanh nghiệp bảo hiểm được phép chủ động xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp. Quy tắc, điều khoản, biểu phí do doanh nghiệp bảo hiểm xây dựng phải bảo đảm quy định tại Nghị định này và các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

b) Trường hợp thực hiện bảo hiểm theo chỉ số (index), phải quy định rõ giá trị bảo hiểm; loại chỉ số, tham số; cơ sở xác định chỉ số, tham số và cơ quan công bố hoặc xác nhận chỉ số, tham số; cách thức xác định số tiền bồi thường bảo hiểm và nguyên tắc bồi thường bảo hiểm;

c) Thực hiện tách riêng điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

2. Trường hợp kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp bị lỗ trong hai (02) năm tài chính liên tiếp, doanh nghiệp bảo hiểm phải đánh giá thực trạng, nguyên nhân, điều chỉnh lại quy tắc, điều khoản, biểu phí cho phù hợp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm**

#### **1. Quyền của doanh nghiệp bảo hiểm**

a) Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

b) Đánh giá rủi ro được bảo hiểm.

c) Thu phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm; điều chỉnh phí bảo hiểm trong trường hợp có sự thay đổi rủi ro được bảo hiểm.

d) Yêu cầu bên mua bảo hiểm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 17 Nghị định này.

đ) Kiểm tra bên mua bảo hiểm thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 16 Nghị định này hoặc khuyến nghị, yêu cầu người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế rủi ro.

Trong trường hợp người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 16 Nghị định này thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền ấn định một thời hạn để người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đó; nếu hết thời hạn này mà các biện pháp bảo đảm an toàn vẫn không được thực hiện thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tăng phí bảo hiểm theo quy định tại quy tắc bảo hiểm hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm và hoàn lại phí bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm**

a) Bán bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Giải thích, cung cấp các thông tin, tài liệu (nếu có) liên quan đến việc giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

c) Trả tiền bồi thường bảo hiểm đầy đủ, kịp thời cho người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

đ) Theo dõi tách biệt doanh thu phí bảo hiểm, hoa hồng, bồi thường và các khoản chi phí khác có liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp.

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

## **Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm**

### **1. Quyền của bên mua bảo hiểm**

a) Lựa chọn mua bảo hiểm nông nghiệp tại bất kỳ doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

b) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích, cung cấp các thông tin, tài liệu (nếu có) liên quan đến việc giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

c) Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và quy định pháp luật khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **2. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm**

a) Tham gia bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm, khai báo đầy đủ, chính xác theo các nội dung ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm. Cung cấp cho đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm các thông tin cần thiết, tạo điều kiện để doanh nghiệp bảo hiểm đánh giá rủi ro được bảo hiểm.

c) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm là hộ nghèo, cận nghèo phải đóng đầy đủ phí bảo hiểm không được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

d) Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

đ) Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản:

+ Tuân thủ các quy định quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm: Quy định bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường<sup>17</sup>; Quy định an toàn sản xuất thực phẩm đối với cơ sở sản

<sup>17</sup> Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường

xuất ban đầu theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm<sup>18</sup>; Quy định yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh thủy sản (phòng bệnh bắt buộc, vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường) theo quy định pháp luật về thú y<sup>19</sup>.

+ Bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành<sup>20</sup>.

- Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân chăn nuôi:

+ Tuân thủ các quy định quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm: Quy định bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường<sup>21</sup>; Quy định an toàn sản xuất thực phẩm đối với cơ sở sản xuất ban đầu theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm<sup>22</sup>; Quy định yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (phòng bệnh bắt buộc, vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường) theo quy định pháp luật về thú y<sup>23</sup>.

+ Bảo đảm quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về chăn nuôi do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành.

Trường hợp bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân kinh doanh chăn nuôi tập trung, ngoài các điều kiện trên, phải đảm bảo điều kiện chăn nuôi tập trung theo quy định pháp luật hiện hành<sup>24</sup>.

- Bên mua bảo hiểm là tổ chức, cá nhân trồng trọt:

+ Tuân thủ các quy định quản lý Nhà nước đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp, bao gồm: Quy định bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường<sup>25</sup>; Quy định an toàn sản xuất thực phẩm đối với cơ sở sản xuất ban đầu theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm<sup>26</sup>; Quy định yêu cầu về bảo vệ thực vật theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật<sup>27</sup>.

+ Bảo đảm quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng trọt do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành.

- Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật.

e) Thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

---

<sup>18</sup> Điều 22 Luật An toàn thực phẩm

<sup>19</sup> Điều 15 Luật Thú y

<sup>20</sup> Điểm B Khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản

<sup>21</sup> Điều 69 Luật Bảo vệ môi trường

<sup>22</sup> Điều 22 Luật An toàn thực phẩm

<sup>23</sup> Điều 15 Luật Thú y

<sup>24</sup> Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm.

<sup>25</sup> Điều 69 Luật Bảo vệ môi trường

<sup>26</sup> Điều 22 Luật An toàn thực phẩm

<sup>27</sup> Điều 14 và Khoản 2 Điều 15 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

## **Điều 17. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp**

1. Trường hợp bên mua bảo hiểm không thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ, việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và Bộ Luật dân sự.

2. Trường hợp bên mua bảo hiểm thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ, việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện theo quy định sau:

a) Hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm.

- Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp.

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tại địa phương về việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm để thực hiện thủ tục theo quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều .. này.

c) Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp

- Đối với ngân sách nhà nước: Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho ngân sách nhà nước phần phí bảo hiểm mà ngân sách nhà nước đã chuyển thừa (nếu có) tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp ngân sách nhà nước chưa chuyển đủ phí bảo hiểm (tương ứng với thời gian đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm), ngân sách nhà nước chuyển bổ sung phần kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm còn thiếu.

- Đối với bên mua bảo hiểm: Doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm không được ngân sách nhà nước hỗ trợ mà bên mua bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm.

## **Điều 18. Giải quyết tranh chấp**

1. Mọi tranh chấp giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp trước hết được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra trọng tài (nếu hai bên có thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm) hoặc tòa án theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thời hiệu khởi kiện các tranh chấp liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

## **Mục 2. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM**

### **Điều 19. Phân phối bảo hiểm nông nghiệp**

Hệ thống phân phối bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm gồm:

- 1) Bán bảo hiểm trực tiếp;
- 2) Bán bảo hiểm thông qua đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm;
- 3) Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

### **Điều 20. Chi phí triển khai bảo hiểm nông nghiệp**

1. Ngoài các khoản chi phí theo quy định của pháp luật hiện hành, doanh nghiệp bảo hiểm được phép sử dụng tối đa 20% doanh thu phí bảo hiểm thu được để chi hoa hồng bảo hiểm, chi thù lao và 5% doanh thu phí bảo hiểm thu được để chi đề phòng, hạn chế tổn thất.

2. Đối với chi thù lao, doanh nghiệp bảo hiểm chủ động xây dựng phương án chi trả thù lao cho những người trực tiếp tham gia triển khai bảo hiểm, không được chi thù lao cho cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm. Hội đồng quản trị (hoặc Hội đồng thành viên) của doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm ban hành quy chế chi thù lao để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch.

3. Đối với chi đề phòng, hạn chế tổn thất:

Doanh nghiệp bảo hiểm được phép áp dụng các biện pháp phòng ngừa để bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm, bao gồm:

- a) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục;
- b) Tài trợ, hỗ trợ các phương tiện, vật chất để đề phòng hạn chế rủi ro;
- c) Hỗ trợ xây dựng các công trình nhằm mục đích đề phòng, giảm nhẹ mức độ rủi ro cho các đối tượng bảo hiểm;
- d) Thuê các tổ chức, cá nhân khác giám sát, đề phòng, hạn chế tổn thất.

### **Điều 21. Thực hiện các quy định khác về kinh doanh bảo hiểm**

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về kinh doanh bảo hiểm.

## **Mục 3. HỖ TRỢ PHÍ BẢO HIỂM TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**Điều 22. Đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp từ ngân sách nhà nước và thời gian thực hiện**

1. Đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp

Ngân sách nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cho các đối tượng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Là hộ nông dân nghèo, cận nghèo sản xuất nông nghiệp được công nhận theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương còn hiệu lực tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

b) Đã giao kết hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp với doanh nghiệp bảo hiểm để bảo hiểm cho các rủi ro thiên tai theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

## 2. Mức hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp

a) Đối với hộ nông dân cận nghèo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 75% phí bảo hiểm nông nghiệp.

b) Đối với hộ nông dân nghèo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% phí bảo hiểm nông nghiệp.

## 3. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Thực hiện từ ngày 01/01/2018.

### **Điều 23. Nguồn kinh phí hỗ trợ và nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020.

2. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền tại địa phương (theo phân cấp của địa phương) chi trả kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp sau khi ký kết hợp đồng bảo hiểm với bên mua bảo hiểm. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chi trả kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

3. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp thì thực hiện như sau:

a) Hộ nông dân nghèo, cận nghèo được lựa chọn một chính sách hỗ trợ cao nhất.

b) Trường hợp hộ nông dân nghèo, cận nghèo chuyển sang lựa chọn chính sách hỗ trợ khác với chính sách hỗ trợ đang được hưởng, thì việc hỗ trợ theo chính sách mới chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Hộ nông dân nghèo, cận nghèo đã chấm dứt hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp đã ký kết với doanh nghiệp bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm đã hoàn trả cho ngân sách nhà nước phần phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ tương ứng với thời gian còn lại của

hợp đồng bảo hiểm (nếu có) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan. Thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

4. Đối với hộ nông dân đã được hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông nghiệp, bị thiệt hại do thiên tai và đã được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường bảo hiểm, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phần chênh lệch (nếu có) trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ của các chính sách khác của nhà nước (phần chênh lệch = kinh phí hỗ trợ theo quy định của chính sách khác – số tiền bồi thường bảo hiểm).

#### **Điều 24. Thủ tục đề nghị chi trả và thực hiện chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm từ ngân sách nhà nước**

1. Thủ tục đề nghị chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm từ ngân sách nhà nước

Để được ngân sách nhà nước chuyển phần phí hỗ trợ hộ nông dân cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải gửi một bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp của ngân sách nhà nước.

b) Bảng kê (kèm theo bản sao) hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đã cấp cho bên mua bảo hiểm.

2. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương (theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) thực hiện thẩm định hồ sơ đề nghị chi trả phí hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp để quyết định việc hỗ trợ và số tiền chi trả (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương (theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm toàn bộ phí bảo hiểm nông nghiệp được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ.

#### **Điều 25. Lập dự toán ngân sách**

Việc lập và chấp hành dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Cùng với thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ vào số lượng các hộ gia đình, cá nhân nghèo, cận nghèo và có nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến số kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp (trong đó xác định rõ phần ngân sách địa phương phải cân đối và phần ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định) gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng với dự toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định.

#### **Điều 26. Phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí**



## 1. Phân bổ dự toán

a) Hàng năm, căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính thực hiện bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

b) Căn cứ dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao và phần ngân sách địa phương tự đảm bảo: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lập phương án phân bổ dự toán kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong dự toán chi đã được duyệt.

## 2. Về quản lý và quyết toán kinh phí

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý và sử dụng, quyết toán kinh phí đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Trường hợp kết thúc năm, kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp không sử dụng hết (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục hỗ trợ, địa phương không được sử dụng cho mục đích khác. Trường hợp trong năm thiếu kinh phí, các địa phương chủ động ứng trước kinh phí để chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm; đồng thời gửi văn bản về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét bổ sung từ ngân sách trung ương (đối với các địa phương được ngân sách trung ương hỗ trợ). Kết thúc thời gian thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp, số kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ còn dư (nếu có), đề nghị địa phương hoàn trả ngân sách trung ương.

b) Kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp được tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

## MỤC 4. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

### Điều 27. Chế độ báo cáo

#### 1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm

a) Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện lập và gửi cho Bộ Tài chính các báo cáo nghiệp vụ theo tháng, quý, năm và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý, năm.

#### b) Thời hạn báo cáo

- Báo cáo tháng: Doanh nghiệp bảo hiểm lập và gửi Bộ Tài chính chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc tháng.

- Báo cáo quý: Doanh nghiệp bảo hiểm lập và gửi Bộ Tài chính chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- Báo cáo năm: Doanh nghiệp bảo hiểm lập và gửi Bộ Tài chính chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

c) Ngoài các báo cáo nghiệp vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có thể yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo bổ sung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho công tác thống kê và đánh giá tình hình triển khai bảo hiểm nông nghiệp.

đ) Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo của mình.

## 2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Định kỳ hàng quý, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo chi tiết về tình hình hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm nông.

### b) Thời hạn báo cáo

- Báo cáo quý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và gửi Bộ Tài chính chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- Báo cáo năm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và gửi Bộ Tài chính chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

## **Điều 28. Chế độ công khai thông tin**

### 1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm:

Doanh nghiệp bảo hiểm phải công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và doanh nghiệp bảo hiểm các thông tin sau:

a) Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp triển khai bao gồm: Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm (trong đó tách riêng nội dung bảo hiểm hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này).

b) Mẫu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các tài liệu có liên quan trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Công khai cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp bảo hiểm, thẩm định, chuyển trả kinh phí hỗ trợ hộ nông dân mua bảo hiểm từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp bảo hiểm.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**

#### **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định này.

2. Thực hiện quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp theo quy định pháp luật.

3. Bố trí ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm trong nông nghiệp.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm

1. Ban hành văn bản hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tiêu chuẩn vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường (đối với chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản); quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (đối với trồng trọt).

2. Ban hành cơ chế giám sát việc tuân thủ điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tiêu chuẩn vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường (đối với chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản); quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (đối với trồng trọt).

3. Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn công tác đề phòng và hạn chế tổn thất trong sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị định này theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

6. Các Bộ, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định này.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và môi trường**

1. Tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn; thu thập thông tin, xử lý thông tin để ban hành dự báo, cảnh báo thiên tai liên quan đến khí tượng, thủy văn và hải văn theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Luật Phòng, chống thiên tai; công bố, xác nhận theo thẩm quyền các thông tin, dữ liệu quan trắc về khí tượng thủy văn theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm và người sản xuất

nông nghiệp để phục vụ cho việc xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp và thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp<sup>28</sup>.

2. Công bố công khai danh mục các tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; tổ chức, cơ quan quốc tế cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai có uy tín trong khu vực và quốc tế<sup>29</sup>.

### **Điều 32. Trách nhiệm của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Chỉ đạo cơ quan thống kê các cấp công bố, cung cấp theo thẩm quyền các thông tin, dữ liệu về tình hình sản xuất nông nghiệp (bao gồm năng suất, sản lượng) theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp phục vụ cho việc phát triển sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp.

### **Điều 33. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan**

Các Bộ, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định này.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

1. Xây dựng quy chế phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp và thực hiện chi trả theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cơ quan có thẩm quyền tại địa phương được phân cấp thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp và thực hiện chi trả theo quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện công bố, thiên tai dịch bệnh<sup>30</sup> theo quy định hiện hành và cung cấp bản sao quyết định công bố, thiên tai dịch bệnh theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm để làm cơ sở xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm.

3. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền tại địa phương công bố, cung cấp các thông tin về các chỉ số sản lượng, chỉ số thời tiết theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm để làm cơ sở giám định tổn thất, bồi thường bảo hiểm.

4. Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định này; cấp kinh phí hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 22 và thủ tục hỗ trợ quy định tại Điều 24 Nghị định này.

5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan tại địa phương với doanh nghiệp bảo hiểm trong triển khai các nội dung công việc:

<sup>28</sup> Chương II, Chương III Luật Môi trường

<sup>29</sup> Chương II, Chương III Luật Môi trường, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

<sup>30</sup> Điều 26 công bố dịch bệnh động vật trên cạn, Điều 34 công bố dịch bệnh động vật thủy sản Luật Thú y; Điều 17 Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

a) Giám sát tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thực hiện điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; tiêu chuẩn vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường (đối với chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản); quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (đối với trồng trọt);

b) Kiểm soát gian lận bảo hiểm.

c) Hướng dẫn công tác đề phòng và hạn chế tổn thất trong sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

6. Chỉ đạo, tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật<sup>31</sup>; bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật<sup>32</sup>; đánh giá thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật<sup>33</sup>; tổ chức giám sát phát hiện sớm và thông báo tình hình dịch bệnh động vật<sup>34</sup>, dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật<sup>35</sup>; chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, giáo dục pháp luật về thú y<sup>36</sup>; Chỉ đạo cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương khi nhận được thông báo có động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm thực hiện lấy mẫu xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh; hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật<sup>37</sup>.

7. Chỉ đạo cơ quan thống kê địa phương và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác thống kê và cung cấp theo thẩm quyền các số liệu, thông tin theo đề nghị của doanh nghiệp bảo hiểm và người sản xuất nông nghiệp để phục vụ cho việc xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm nông nghiệp và thực hiện hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp<sup>38</sup>.

8. Chỉ đạo, tổ chức chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra trên địa bàn<sup>39</sup>; chỉ đạo thực hiện các biện pháp để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch<sup>40</sup>.

9. Thực hiện trách nhiệm trong ứng phó thiên tai, hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai và thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai<sup>41</sup>

10. Tuyên truyền thực hiện bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định này.

11. Thực hiện chế độ báo cáo và công khai thông tin theo quy định tại ...Nghị định này.

### **Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp**

<sup>31</sup> Điểm d, Khoản 1 Điều 9 Luật Thú y

<sup>32</sup> Điểm c, Khoản 2 Điều 9 Luật Thú y

<sup>33</sup> Điểm c, Khoản 2 Điều 9 Luật Thú y

<sup>34</sup> Điểm c, Khoản 3 Điều 9 Luật Thú y

<sup>35</sup> Điểm b, Khoản 2 Điều 9 Luật Thú y

<sup>36</sup> Điểm đ, Khoản 1 Điều 9 Luật Thú y

<sup>37</sup> Điều 19 Luật Thú y

<sup>38</sup> Điểm b, Khoản 2 Điều 30 Luật Thống kê; Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

<sup>39</sup> Điều 8 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

<sup>40</sup> Khoản 2 Điều 18 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

<sup>41</sup> Khoản 4 Điều 27, Điều 30, Điều 31 Luật Phòng, chống thiên tai

1. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Áp dụng đúng biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có quyết định công bố dịch hại thực vật<sup>42</sup>;
2. Chủ động thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai<sup>43</sup>;
3. Thực hiện đầy đủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật; khai báo dịch bệnh động vật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật thú y<sup>44</sup>;
4. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này và thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm.
5. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật khác có liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Các hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng.

#### Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.
2. Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, chế độ tài chính, chế độ kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

<sup>42</sup> Điểm a, Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

<sup>43</sup> Khoản 6 Điều 27 Luật Phòng, chống thiên tai

<sup>44</sup> Khoản 1 Điều 19 Luật Thú y, Điều 7 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ NN&PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn